

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-ST.
Ngày 19-8-2022.
V/v tranh chấp tiền bồi thường.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Huy Phong- là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST-DS ngày 28-3-2022 về “Tranh chấp tiền bồi thường”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy A, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố L, phường LH, thị xã Tr, tỉnh T - có mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị Kim B, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố L, phường LH, thị xã Tr, tỉnh T - vắng mặt có đơn xin.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lê Văn C, sinh năm 1964; địa chỉ: khu phố L, phường LH, thị xã Tr, tỉnh T - vắng mặt có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thúy A trình bày:

Từ tháng 01 năm 2019, chị có thuê phần đất trống tọa lạc tại khu phố L, phường LH, thị xã Tr, tỉnh T của chị Lê Thị Kim B với hình thức trả tiền hàng tháng, khi thuê không có làm hợp chỉ thỏa thuận miệng. Sau khi thuê đất, được sự đồng ý của chị B, chị có xây dựng căn nhà để làm tiệm sửa xe Honda.

Căn nhà chị xây dựng nằm trong khu vực giải tỏa để thực hiện dự án đường Liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789 (dự án thành phần 2- tuyến đường 787). Tuy nhiên, trong quá trình kê khai kiểm kê tài sản, chị không được thông báo để kê khai tài sản do gia đình chị xây dựng mà chị B kê khai luôn phần tài sản này. Sau khi chị B nhận tiền theo Quyết định 14824/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Tr. Chị đã liên hệ chị B để nhận lại số tiền bồi thường tài sản do chị xây dựng tương ứng với số tiền 26.290.500 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ngàn năm trăm đồng) nhưng chị B không chịu trả.

Chị đã nộp đơn tại UBND Phường L để được giải quyết. UBND phường Lộc Hưng đã 2 lần mời 2 bên lên làm việc để giải quyết. Tuy nhiên chị B vẫn không chịu trả lại số tiền số trên cho chị.

Nay chị làm đơn này yêu cầu chị B trả lại chị số tiền 26.290.500 đồng để chị có điều kiện di dời sang nơi khác ổn định cuộc sống.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị Kim B trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Thừa nhận, chị có cho chị A thuê phần đất cất nhà thiết sửa xe như lời trình bày của chị A là đúng. Theo quyết định hỗ trợ tái định cư thì tiền bồi thường hỗ trợ tái định cư thì tiền bồi thường hỗ trợ nhà ở là 22.988.000 đồng. Số tiền này gồm nền gạch tàu, xi măng và nhà thiết phía trên. Nền xi măng gạch tàu là do chị làm, còn nhà thiết là do chị A làm.

Nay chị không đồng ý theo yêu cầu của chị A. Chị chỉ đồng ý hỗ trợ chị A số tiền 11.500.000 đồng.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C trình bày thể hiện trong hồ sơ: anh là chồng của chị B, anh có cùng ý kiến và nguyện vọng như chị B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 166 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy A “Tranh chấp tiền bồi thường” đối với bà Lê Thị Kim B, ông Lê Văn C.

Buộc bà Lê Thị Kim B, ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả lại bà Trần Thị Thúy A số tiền 22.000.000 đồng.

- Về án phí: bà Lê Thị Kim B, ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bị đơn chị Lê Thị Kim B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh C là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: chị A và chị B thống nhất xác định chị B có cho chị A thuê phần đất cất tiệm sửa xe tại khu phố L, phường LH, thị xã Tr, tỉnh T, nằm trong dự án đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789 (dự án thành phần 2-tuyến đường ĐT.787B) và chị B đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường hỗ trợ nhà ở và vật kiến trúc; tiền hỗ trợ di dời bằng hiệu các loại với tổng số tiền là 26.290.500 đồng.

Xét yêu cầu của chị A nhận thấy: trong quá trình làm việc cả chị A và chị B đều thừa nhận, khi chị B cho chị A thuê phần đất đã có sẵn 01 phần nền xi măng. Sau đó chị A làm thêm 01 phần nền và dựng lên căn nhà tạm làm tiệm sửa xe. Theo bảng kê chi tiết bồi thường và hỗ trợ tái định cư thì phần hỗ trợ nhà ở là 22.988.000 đồng và hỗ trợ di dời bản hiệu là 52.500 đồng, nhà là của chị A dựng lên và bản hiệu là của chị A nên phần tiền này thuộc quyền sở hữu của chị A. Còn phần nền xi măng với trị giá 3.250.000 đồng là của chị B. Chị B trình bày phần nền nhà là của chị nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy chị B có trách nhiệm trả lại chị A số tiền 23.040.500 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, chị A chỉ yêu cầu chị B trả lại số tiền 22.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, chị A đã nộp toàn bộ chi phí này. Do yêu cầu của chị A có căn cứ chấp nhận nên chị B phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị B, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 165, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy A về tranh chấp tiền bồi thường với chị Lê Thị Kim B và anh Lê Văn C.

Buộc chị Lê Thị Kim B và anh Lê Văn C có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Thúy A số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: chị B, anh C có trách nhiệm trả lại cho chị A số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

3. Về án phí:

- Chị Lê Thị Kim B và anh Lê Văn C phải chịu số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả chị A số tiền 675.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026512 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

4. Quyền kháng cáo: chị A có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị B, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy